TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 18/08/2021
Về việc:“ Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 08 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2021/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST – DS ngày 30 tháng 07 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H– sinh năm 1992; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang tạm trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ – sinh năm 1982; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị H, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 7, 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống cũng như cách thức làm ăn kinh tế nên thường xuyên đánh cãi chửi nhau.Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề hơn. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung cháu Trần Bảo L sinh ngày 13 tháng 07 năm 2011 và cháu Trần Bảo L1 sinh ngày 17 tháng 05 năm 2016. Hiện cháu L đang ở cùng với anh Đ và cháu L1 đang ở cùng với chị. Tại đơn khởi kiện chị đề nghị được nuôi cả hai cháu L và L1. Tuy nhiên tại bản tự khai và tại đơn tường trình của chị H chị đề nghị thay đổi về vấn đề giao con sau ly hôn.Chị nhận nuôi cháu L1 và giao cháu L cho anh Đ nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Do tình hình dịch côvít chị đang đi làm công ty nên không thể có mặt để giải quyết vụ án cũng như tiến hành các thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, còn công nợ chung không có nên chịkhông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày: Anh và chị Vũ Thị H kết hôn hợp pháp và đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã K, huyện K. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống hạnh phúc khoảng 7, 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi chửi nhau.Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên từ tháng 9 năm 2019 đến nay anh và chị H sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng về đoàn tụ nên nay chị H có đơn xin ly hôn anh nhất trí và không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung cháu cháu Trần Bảo L sinh ngày 13 tháng 07 năm 2011 và cháu Trần Bảo L1 sinh ngày 17 tháng 05 năm 2016. Tại bản tự khai ngày 20 tháng 4 năm 2021 anh xin được nuôi dưỡng cả hai cháu L1 và L, anh không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con. Tại phiên họp tiếp cấn công khai chứng cứ anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu L và giao cháu L1 cho chị H nuôi dưỡng, hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, còn công nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Trần Bảo L thì nguyện vọng cháu muốn ở với anh Đ để ổn định việc học tập và sinh hoạt của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các q uy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết v ụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H và anh Trần Văn Đ ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Bảo L sinh ngày 13 tháng 07 năm 2011 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Trần Bảo L1 sinh ngày 17 tháng 05 năm 2016 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn Đ có nơi cư trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Do cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Trần Văn Đ có Đăng ký kết hôn ngày ngày 14 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Trần Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm 4, xã K, quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như công việc làm ăn nên đã phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả gì. Cả chị H và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn hai năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng không có khả năng về đoàn tụ. Chị H có đơn xin ly hôn anh Đ cũng nhất trí ly hôn.

Quá trình làm việc tại Tòa án anh Đ đã có mặt, tuy nhiên chị Hương do tình hình dịch côvít đi làm ăn và ở lại nơi làm việc nên đã đã không thể có mặt để Tòa án tiến hành các thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án được.

Mặt khác căn cứ vào biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K xác định chị Vũ Thị H và anh Trần Văn Đ có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã K. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng nhau được thời gian khoảng 5, 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân do đâu anh chị mâu thuẫn vì chính quyền không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì về việc anh chị mâu thuẫn và cần được hòa giải. Nhưng từ năm 2019 đến nay thì chị chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị H và anh Đ không chung sống cùng nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên thể hiện chị H và anh Đ đã có thời gian sống ly thân hơn hai năm nay cả hai đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và không thể về đoàn tụ được nên nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung cháu cháu Trần Bảo L sinh ngày 13 tháng 07 năm 2011 và cháu Trần Bảo L1 sinh ngày 17 tháng 05 năm 2016. Tại đơn khởi kiện chị H cũng có nguyện vọng nuôi cả hai cháu L và L1 nhưng tại bản tự khai và bản tường trình chị H đã thay đổi về vấn đề nuôi con sau khi ly hôn. Chị H nhất trí nhường quyền nuôi cháu L cho anh Đ. Anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L. Qua nghe nguyện vọng cháu L thì cháu muốn ở với bố để ổn định việc học tập và sinh hoạt của cháu. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các con căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần giao giao cháu Trần Bảo L sinh ngày 13 tháng 07 năm 2011 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Trần Bảo L1 sinh ngày 17 tháng 05 năm 2016 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung như vậy là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng của các bên đương sự và đảm bảo quyền lợi của các con sau khi ly hôn.

Vấn đề cấp dưỡng đối với các con khi ly hôn, do các bên đương sự không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nên vấn đề cấp dưỡng Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Trần Văn Đ được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Bảo L sinh ngày 13 tháng 07 năm 2011 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Trần Bảo L1 sinh ngày 17 tháng 05 năm 2016 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Hai bên không phải cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002564 ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã K, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh